

Số: 1976548

|                                            | New Mazda CX-3 1.5L Luxury                      | Kia New Seltos 1.5 Turbo Luxury |
|--------------------------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                       | <b>619.000.000đ</b>                             | <b>714.000.000đ</b>             |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>            |                                                 |                                 |
| Kích thước tổng thể (mm)                   | 4275 x 1765 x 1535                              | 4365 x 1800 x 1645              |
| Chiều dài cơ sở (mm)                       | 2570                                            | 2610                            |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)          | 5300                                            | 5300                            |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                    | 155                                             | 190                             |
| Khối lượng không tải (kg)                  | 1210                                            | 1310                            |
| Khối lượng toàn tải (kg)                   | 1660                                            | 1760                            |
| Thể tích khoang hành lý (L)                | 350                                             | 433                             |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)             | 48                                              | 50                              |
| Số chỗ ngồi                                | 5                                               | 5                               |
| Nguồn gốc                                  | Nhập Khẩu                                       | SX-LR trong nước                |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>               |                                                 |                                 |
| Loại động cơ                               | Skyactiv-G 1.5L                                 | Smartstream 1.5 Turbo           |
| Dung tích xi lanh (cc)                     | 1496                                            | 1497                            |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)               | 110 / 6000                                      | 158Hp/ 5.500 rpm                |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)              | 144 / 4000                                      | 253 Nm/ 1.500 - 3.500 rpm       |
| Hộp số                                     | 6AT                                             | 7DCT                            |
| Hệ thống dẫn động                          | Cầu trước (FWD)                                 | Cầu trước (FWD)                 |
| Hệ thống treo trước                        | Độc lập Mc Pherson                              | McPherson                       |
| Hệ thống treo sau                          | Thanh xoắn                                      | Thanh cân bằng                  |
| Hệ thống phanh trước                       | Đĩa                                             | Đĩa                             |
| Hệ thống phanh sau                         | Đĩa                                             | Đĩa                             |
| Thông số lốp xe                            | 215/50 R18                                      | 215/60 R17                      |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)       | 8.74                                            | n/a                             |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 5.07                                            | n/a                             |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)      | 6.31                                            | n/a                             |
| Hệ thống dừng/Khởi động động cơ thông minh | ●                                               | -                               |
| Chế độ lái                                 | Normal/Sport                                    | Normal/Eco/Sport                |
| Trang bị khác                              | Hệ thống kiểm soát gia tốc nâng cao<br>GVC Plus |                                 |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                         |                                                 |                                 |
| Cụm đèn trước                              | Halogen                                         | LED                             |
| Đèn trước tự động bật/tắt                  | -                                               | ●                               |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần       | -                                               | -                               |
| Đèn ban ngày LED                           | Halogen                                         | ●                               |
| Đèn sương mù                               | LED                                             | LED                             |
| Cụm đèn sau                                | Halogen                                         | LED                             |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện       | ●                                               | ●                               |
| Gạt mưa tự động                            | -                                               | -                               |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>               |                                                 |                                 |
| Vô lăng bọc da                             | ●                                               | ●                               |
| Chất liệu ghế                              | Da                                              | Da                              |
| Ghế người lái chỉnh cơ                     | ●                                               | -                               |

|                                    |                  |                |
|------------------------------------|------------------|----------------|
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ | ●                | -              |
| Kính cửa sổ chỉnh điện             | ●                | ●              |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin      | Analog & Digital | 4.2"           |
| Màn hình giải trí trung tâm        | 7"               | 10.25"         |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto | ●                | ●              |
| Hệ thống điều hòa tự động          | Chỉnh cơ         | ●              |
| Số vùng khí hậu điều hòa           | 1                | Tự động 2 vùng |
| Chìa khóa thông minh               | ●                | ●              |
| Khởi động nút bấm                  | ●                | ●              |
| Hệ thống âm thanh                  | 6 loa            | 6 loa          |
| Phanh đỗ điện tử                   | ●                | -              |
| Giữ phanh tự động Autohold         | ●                | -              |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX         | ●                | ●              |

#### **AN TOÀN:**

|                                            |                |     |
|--------------------------------------------|----------------|-----|
| Số túi khí                                 | 6              | 6   |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS           | ●              | ●   |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD           | ●              | ●   |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA          | ●              | ●   |
| Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS       | ●              | ●   |
| Hệ thống cân bằng điện tử                  | ●              | ●   |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS | ●              | ●   |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA    | ●              | ●   |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa            | ●              | ●   |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm               | ●              | n/a |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                      | Sau            | ●   |
| Hệ thống điều khiển hành trình             | Cruise control | -   |
| Camera lùi                                 | ●              | ●   |